

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 02/7/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Nguyễn Tấn Lập

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST- DS ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: **ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**

Bị đơn: Ông **Danh H1**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: **tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 23/12/2022 âm lịch bà **H** có cho ông **Danh H1** vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng (tương đương 5%/tháng), không thoả thuận thời hạn trả nợ và khi vay không có biên nhận. Mục đích ông **H1**

vay tiền để đi buôn bán gà vịt. Từ khi vay đến nay ông H1 chỉ đóng lãi được 7.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Số tiền vay trên là tiền bà H đi vay của người khác cho ông H1 vay lại nhằm mục đích giúp đỡ chứ không có lấy lời. Số tiền này của riêng của bà không phải tài sản chung của vợ chồng. Do đó, bà tự chịu trách nhiệm đối với số tiền này không liên quan đến người khác.

Nay bà H chỉ yêu cầu một mình ông H1 trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng. Rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi xét xử.

** Theo biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Danh H1 trình bày:*

Do quen biết nên vào ngày 23/12/2022 âm lịch ông có vay của bà Trịnh Thị H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng (tương đương 5%/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ và khi vay không có biên nhận. Mục đích vay tiền để đi buôn bán gà vịt.

Từ khi vay đến nay ông chỉ đóng lãi cho bà Trịnh Thị H được 7.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Việc đóng lãi này ông không yêu cầu tính lại lãi suất.

Nay bà Trịnh Thị H chỉ yêu cầu một mình ông trả số tiền vay cụ thể như sau: Tiền gốc là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và tiền lãi chậm trả sau khi xét xử thì:

- Ông H1 đồng ý trả tiền vay gốc cho bà H là 20.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả theo quy định sau xét xử. Số tiền trên ông H1 vay một mình và đồng ý một mình trả nợ không liên quan đến người khác.

- Số tiền lãi 7.000.000 đồng ông H1 đóng cho bà H ông không yêu cầu tính lại lãi suất.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả dần số tiền vay trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị H** về việc yêu cầu tính lãi đối với khoản vay của ông **Danh H1**. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** về việc yêu cầu ông **Danh H1** trả tiền vay 20.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Danh H1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** thì quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông ông **Danh H1** có nơi cư trú tại **khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định như sau: Vào ngày 23/12/2022 âm lịch ông **Danh H1** có vay của bà **Trịnh Thị H** số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Mục đích vay số tiền trên là để đi buôn bán gà vịt. Bà **H** đã giao đủ tiền cho ông **H1**. Khi vay không có làm biên nhận và thỏa thuận thời hạn trả nợ. Từ khi vay số tiền trên ông **H1** chỉ đóng lãi cho bà **H** được 7.000.000 đồng thì không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho bà **H**. Mặc dù bà **H** đã nhiều lần đòi nhưng ông **H1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng sự thật khách quan và được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Danh H1** thừa nhận rằng khi đến vay tiền của bà **H** thì chỉ có 1 mình ông **H1** vay tiền và bà **H** cũng **H** cũng chỉ yêu cầu một mình ông **H1** trả số tiền trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà **H** nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Danh H1** phải trả cho bà **Trịnh Thị H** số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Xét về lãi suất: ông **Danh H1** thừa nhận ông đóng lãi cho bà **H** được 7.000.000 đồng thì ngưng không còn khả năng đóng lãi nữa và bà **H** cũng đồng ý. Nay ông **H1** không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với các khoản này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông **H1** không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà ông đã đóng cho bà **H** nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc nêu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu tính lãi của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn ông **Danh H1**. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T** thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của ông **Danh H1**.

Xét ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị H** về việc yêu cầu tính lãi đối với khoản vay của ông **Danh H1**.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** đối với ông **Danh H1** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông **Danh H1** phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** số tiền vay gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc ông **Danh H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

- Nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà **H** số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) mà bà **Trịnh Thị H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000972 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang

